

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HS-ST
Ngày 15-5-2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Phường**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Trần Minh Tùng**

- Bà **Trần Thị Diễm Châu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thạch** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Lê Thành Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Hồng T - sinh ngày 01/01/1986

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã T, huyện G, thành phố Cần Thơ; Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã T, huyện G, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: phật; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1958 và bà Lê Thị Bạch H, sinh năm 1961; Anh, chị em ruột có 04 người lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1988; có vợ Phạm Thị Như R, sinh năm 1984; có 01 người con, sinh năm 2012 Tiền sự: không; Tiền án: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17 tháng 01 năm 2019.

- Người làm chứng:

Chị Phạm Thị Như R – 1984

Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện G, thành phố Cần Thơ.

Anh Nguyễn Minh H – 1980

Địa chỉ: 848/43, khóm B, phường K, thành phố A, An Giang.

(Bị cáo có mặt, người làm chứng chị R có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 17/01/2019 Nguyễn Minh H từ nhà mình đi đến nhà Nguyễn Hồng T trú quán ấp P, xã T, huyện G, thành phố Cần Thơ để mua ma túy. Khi đi đến nhà T, H gặp Phạm Thị Như R (vợ T) hỏi mua ma túy với số tiền 300.000 đồng, R đồng ý và kêu H đứng đợi, lúc này lực lượng công an đang làm nhiệm vụ phát hiện bắt giữ, qua khám xét khẩn cấp nơi ở của T phát hiện 01 gói nylon màu đen bên trong có lớp giấy bạc chứa chất bột (dạng cục) màu trắng (nghi vấn là ma túy), 01 gói giấy bạc bên trong có đoạn ống nhựa hàn kín chứa chất bột (dạng cục) màu trắng (nghi vấn là ma túy); 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 cùng sim số 0786.888.055, 15 miếng giấy bạc, 02 lưỡi dao lam, 03 ống nhựa (02 ống nhựa màu đỏ, 01 ống nhựa màu vàng) 02 cây kéo (01 cây kéo cán màu vàng, 01 cây kéo cán màu hồng).

Tại Kết luận giám định số: 130/KL-PC09 ngày 23/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận: Chất bột (dạng cục) màu trắng trong gói giấy bạc (ký hiệu M1) gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,1414 gam, loại Heroine; Chất bột (dạng cục) màu trắng trong gói giấy bạc (ký hiệu M2) gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,0526 gam, loại Heroine.

Qua làm việc Nguyễn Hồng T khai nhận: bán ma túy từ năm 2017 sau đó nghỉ, đến tháng 11/2018 bắt đầu bán ma túy cho đến ngày 17/01/2019 thì bị bắt, T khai nhận vào ngày 14/01/2019 và ngày 15/01/2019 T bán ma túy cho hai người thanh niên (không rõ họ, tên, địa chỉ) ở thành phố A, tỉnh An Giang được 02 lần, mỗi lần 600.000 đồng, bán cho H được 03 lần (02 lần trong tháng 12/2018 và 01 lần vào ngày 17/01/2019 chưa giao ma túy cho H thì bị bắt).

Để có ma túy bán cho người nghiện T đi đến cầu Cái Sắn thuộc địa phận thành phố A, tỉnh An Giang gặp người đàn ông (không rõ họ, tên, địa chỉ) hỏi mua ma túy với giá 600.000 đồng T mang về dùng lưỡi dao lam phân nhỏ sau đó bán cho người nghiện được 900.000 đồng, T thu lợi được 300.000 đồng.

Qua làm việc với Nguyễn Văn H khai nhận mua ma túy của T được 03 lần, 02 lần trong tháng 12/2018 và 01 lần vào ngày 17/01/2019, mua trực tiếp của R 02 lần

vào ngày 16/01/2019 và 03 lần vào ngày 17/01/2019, lần thứ 03 chưa lấy được ma túy thì bị bắt (lần này T khai là người trực tiếp bán)

Qua làm việc với Phạm Thị Như R (vợ của Nguyễn Hồng T), R khai nhận việc T bán ma túy R không biết, không giúp sức và đồng thời không có bán ma túy cho Nguyễn Minh H.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKSVT-HS ngày 22/4/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, truy tố bị cáo Nguyễn Hồng T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Hồng T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đề nghị:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hồng T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Đề nghị áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T mức án tù 08 (Tám) năm đến 09 (Chín) năm tù.

Về vật chứng vụ án đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) gói niêm phong sau giám định số 130/KL – PC09 ngày 23/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ; 15 (mười lăm) miếng giấy bạc; 02 (hai) lưỡi dao lam; 03 (ba) ống nhựa; 02 (hai) cây kéo.

Công nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Hồng T 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh đen và sim thuê bao số 0786.888.055.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như Cáo trạng đã mô tả, bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo ân hận về hành vi của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh,

kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra, việc vắng mặt người tham gia tố tụng này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án; căn cứ vào Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo T thành khẩn khai nhận hoạt động mua bán trái phép chất ma túy từ khoảng tháng 11/2018 đến ngày 17/01/2019 thì bị bắt, bị cáo khai nhận vào ngày 14/01/2019 và ngày 15/01/2019 bị cáo bán ma túy cho hai người thanh niên (không rõ họ, tên, địa chỉ) ở thành phố A, tỉnh An Giang được 02 lần, mỗi lần 600.000 đồng, bán cho H được 03 lần (02 lần trong tháng 12/2018 và 01 lần vào ngày 17/01/2019 chưa giao ma túy cho H thì bị bắt). Để có ma túy bán cho người nghiện bị cáo đi đến cầu Cái Sắn thuộc địa phận thành phố A, tỉnh An Giang gặp người đàn ông (không rõ họ, tên, địa chỉ) hỏi mua ma túy với giá 600.000 đồng bị cáo mang về dùng lưỡi dao lam phân nhỏ sau đó bán cho người nghiện được 900.000 đồng, bị cáo thu lợi được 300.000 đồng. Lời khai nhận tội nêu trên của bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, kết luận giám định về ma túy của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Cần Thơ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Từ những tình tiết nêu trên, có đủ cơ sở để xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Điều 251, khoản 2, điểm b Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

a).....

b) Phạm tội từ 02 lần trở lên;

c)

Cáo trạng số 23/CT-VKSVT-HS ngày 22/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý, sử dụng chất ma túy của Nhà nước. Ma túy là chất gây nghiện, người nghiện ma túy ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần, ma túy còn là nguyên nhân của các tội phạm khác như trộm cắp, cướp, cướp giết, thậm chí giết người. Vì vậy, Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi sản xuất, vận chuyển, tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy, nhằm tạo môi trường sống, học tập, lao động lành mạnh, không có tệ nạn xã hội. Bị cáo T nhận thức rõ hiểm họa của ma túy nhưng xuất phát từ tính chất siêu lợi nhuận có được từ việc mua bán trái phép chất ma túy, từ đó bị cáo đã bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật nhằm mục đích thu lợi bất chính cho bản thân. Do đó, cần có mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Trước và sau thời điểm phạm tội, bị cáo không có thu nhập ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- 01(Một) gói niêm phong sau giám định số 130/KL – PC09 ngày 23/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ là vật cấm lưu hành; 15

(mười lăm) miếng giấy bạc; 02 (hai) lưỡi dao lam; 03 (ba) ống nhựa; 02 (hai) cây kéo làm công cụ, phương tiện để mua bán ma túy không còn giá trị sử dụng, cần áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh đen và sim thuê bao số 0786.888.055 là tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hồng T không liên quan đến tội phạm. Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh đã trao trả lại tài sản cho chủ sở hữu là phù hợp với điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải nộp án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Các vấn đề khác:

Đối với 02 (hai) người thanh niên mua ma túy và 01 (một) người đàn ông bán ma túy do bị cáo khai, do không biết được họ, tên, địa chỉ cụ thể nên không tiếp xúc làm việc được, đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Phạm Thị Như R do Nguyễn Minh H khai mua ma túy của R, qua làm việc R không thừa nhận, chỉ có lời khai của H, ngoài ra không còn chứng cứ nào khác chứng minh R mua bán trái phép chất ma túy nên chưa đủ cơ sở để xử lý hình sự đối với Phạm Thị Như R về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 47; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 17/01/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) gói niêm phong sau giám định số 130/KL – PC09 ngày 23/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ; 15 (mười lăm) miếng giấy bạc; 02 (hai) lưỡi dao lam; 03 (ba) ống nhựa; 02 (hai) cây kéo.

Công nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Hồng T 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh đen và sim thuê bao số 0786.888.055.

(Vật chứng hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 35/QĐ-VKSVT-HS ngày 22/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Hồng T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Công an nhân dân huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Cẩm Phường